

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp
Trường THPT Chuyên Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hoá, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư 08/2025/TT-BXD ngày

30/5/2025 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của các cơ quan đơn vị khi sắp xếp, tổ chức bộ máy; Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 392/TTr-SXD ngày 13/8/2025, Kết quả thẩm định số 2938/SXD-QLXD ngày 11/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THPT Chuyên Sơn La, với những nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên dự án:** Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THPT Chuyên Sơn La.
- 2. Địa điểm xây dựng:** Phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La.
- 3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.
- 4. Chủ đầu tư:** Trường THPT Chuyên Sơn La.
- 5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty cổ phần AHH Tây Bắc. Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, tổ 5, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La.
- 6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Dự án nhóm C; công trình dân dụng, cấp III.
- 7. Mục tiêu dự án:** Công trình sau khi được sửa chữa xong sẽ tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất và bảo đảm điều kiện làm việc của Trường THPT Chuyên Sơn La.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ giáo viên 1 tầng, nhà đa năng 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Xây mới 3 nhà để xe.

8.2. Giải pháp thiết kế

8.2.1. Nhà công vụ giáo viên 1 tầng; diện tích xây dựng 474m²

- Bóc dỡ lớp vữa láng sê nô mái; quét dung dịch chống thấm; láng lại sê nô mái bằng vữa xi măng mác 100;
- Bóc dỡ khoảng 20% diện tích lớp vữa trát tường trong nhà, khoảng 30%

diện tích lớp vữa trát tường ngoài nhà và khoảng 10% diện tích cột, dầm, trần; trát lại bằng vữa xi măng mác 75; diện tích còn lại cạo sơn; tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà bả bột bả, lăn sơn;

- Cạo bỏ sơn cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa; sơn lại chống gỉ;
- Bậc tam cấp trực (D) và khoảng 5m² bậc tam cấp trực (A) lát bỏ sung bằng đá granite;
- Tháo dỡ và thay lại hệ thống điện, thiết bị điện.

8.2.2. Nhà đa năng 1 tầng; diện tích xây dựng 655m²

- Bóc dỡ lớp vữa láng sê nô mái; quét dung dịch chống thấm; lát gạch đất nung kích thước (50x50)cm;
- Bóc dỡ khoảng 20% diện tích lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà, khoảng 25% diện tích cột, dầm, trần; trát lại bằng vữa xi măng mác 75; diện tích còn lại cạo sơn; tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn không bả;
- Thay lại cửa đi Đ1 bằng cửa kính cường lực dày 15mm;
- Thay lại 10 bộ đèn led cao áp;
- Khu vệ sinh: Tháo dỡ tường ngăn khu vệ sinh nữ, bổ sung tấm ngăn composite. Tháo dỡ gạch lát nền, ốp tường; lát lại nền bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm, ốp lại tường bằng gạch ceramic kích thước (30x60)cm, cao 1,8m; tháo dỡ và thay lại hệ thống cấp, thoát nước, thiết bị vệ sinh.

8.2.3. Xây mới 3 nhà để xe; diện tích 153,6m²/1 nhà: Móng đổ bê tông cấp độ bền B12,5 (mác 150), đệm móng bê tông cấp độ bền B7,5 (mác 100); cột thép tròn Ø80 dày 2mm liên kết chôn trong móng kết hợp hàn râu thép Ø8; kết cấu mái: Tôn múi dày 0,35mm/ xà gồ thép hộp/ vì kèo thép hộp.

8.2.4. Sân S1, diện tích 1.015m²: Lát gạch giả đá kích thước (40x40x4,5)cm/bê tông cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 8cm/nền sân hiện trạng.

8.2.5. Sân S2, diện tích 780m²: Lát gạch terrazzo kích thước (40x40x3)cm/nền sân hiện trạng.

8.2.6. Các hạng mục phụ trợ, chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế.

9. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

9.1. Quy chuẩn

- QCVN 05-2008/BXD: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;
- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 06-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

9.2. Tiêu chuẩn

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5575-2025: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;

- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;

- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;

- TCVN 3890-2023: Phòng cháy chữa cháy-Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí;

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;

- TCVN 7957-2023: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 13606-2023: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 2.750 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	2.369,307	triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án	74,224	triệu đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	238,062	triệu đồng
- Chi phí khác	23,743	triệu đồng
- Chi phí dự phòng	44,664	triệu đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước (*được UBND tỉnh Sơn La giao tại Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 và Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh*).

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Ngân sách nhà nước	Tổng cộng
2025	2.750	2.750

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trường THPT Chuyên Sơn La (chủ đầu tư)

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

- Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng

Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Hiệu trưởng Trường THPT Chuyên Sơn La, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân